

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ vào Điều 51, 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 91/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Lý Nhật Minh T, sinh năm 1990;

Địa chỉ thường trú: 1 K, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên hệ: 31/3/3 Đường số E, Khu phố C, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh năm 1990;

Địa chỉ thường trú: A1/18 xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên hệ: 01 T, phường A, Thành phố D, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Yêu cầu thuận tình ly hôn là loại việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do người yêu cầu có nơi cư trú tại thành phố T nên theo điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a

khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức

[2] Về các yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26/02/2025 và Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn có trong hồ sơ, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức nhận thấy:

- Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 17/2017 do UBND xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/2/2017 thì quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị Ngọc T1 và ông Lý Nhật Minh T là tự nguyện và hợp pháp.

Xét quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị Ngọc T1 và ông Lý Nhật Minh T không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông bà là hoàn toàn phù hợp với qui định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc T1 và ông Lý Nhật Minh T xác định trong quá trình chung sống, ông bà có 01 con chung là trẻ Lý Nhật Khánh A (giới tính: nữ), sinh ngày 08/10/2018. Hai bên thỏa thuận giao con chung là trẻ Lý Nhật Khánh A (giới tính: nữ), sinh ngày 08/10/2018 cho bà Nguyễn Thị Ngọc T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Lý Nhật Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng)/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc chấm dứt theo quy định của pháp luật. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung thực hiện vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 03/2025.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc T1 và ông Lý Nhật Minh T xác định không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), bà Nguyễn Thị Ngọc T1 và ông Lý Nhật Minh T chịu, được trừ vào số tiền lệ phí bà Nguyễn Thị Ngọc T1 và ông Lý Nhật Minh T đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0079219 ngày 13/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức. Bà Nguyễn Thị Ngọc T1 và ông Lý Nhật Minh T đã nộp đủ lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T1 và ông Lý Nhật Minh T thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ngọc T1 và ông Lý Nhật Minh T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 17/2017 do UBND xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/2/2017 chấm dứt kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao con chung là trẻ Lý Nhật Khánh A (giới tính: nữ), sinh ngày 08/10/2018 cho bà Nguyễn Thị Ngọc T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con chung thành niên và tự lập, hoặc được chấm dứt theo quy định của pháp luật. Ông Lý Nhật Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng)/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc chấm dứt theo quy định của pháp luật. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung thực hiện vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 03/2025.

Các bên thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ khi có đơn yêu cầu Thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người bị yêu cầu còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì quyền lợi của con chung khi cần thiết hai bên đều có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền và nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị Ngọc T1 và ông Lý Nhật Minh T về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung được thực hiện theo qui định tại Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc T1 và ông Lý Nhật Minh T xác định không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

2. Lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà Nguyễn Thị Ngọc T1 và ông Lý Nhật Minh T chịu, được trừ vào số tiền lệ phí bà Nguyễn Thị Ngọc T1 và ông Lý Nhật Minh T đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0079219 ngày 13/01/2025 của Chi cục

Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức. Bà Nguyễn Thị Ngọc T1 và ông Lý Nhật Minh T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- UBND xã Tân Quý Tây;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Võ Thị Thu Hà